

Bản án số: 62/2020/DS-PT

Ngày: 15-6-2020

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Hồ Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 10-02-2020 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 (có mặt);

2.2. Ông Trịnh Văn L (tên thường gọi Út B), sinh năm 1955 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1976 (vắng mặt);

3.2. Ông Trịnh Công T2, sinh năm 1981 (vắng mặt);

3.3. Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt);

3.4. Ông Trịnh Văn T3, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng.

3.5. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1950 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

3.6. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1943 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị C:
Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. *Người làm chứng:*

4.1. Ông Võ Hòa V, sinh năm 1954, địa chỉ: ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt);

4.2. Ông Võ Hồng X, sinh năm 1958, địa chỉ: ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt);

4.3. Ông Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1950, địa chỉ: ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt);

4.4. Ông Triệu Minh D, địa chỉ: ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, đồng thời ông K cũng là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị C trình bày:

Cha mẹ của ông là ông Nguyễn Văn Đ2 chết năm 1982 và bà Lê Thị H2 chết năm 2005. Ông Đ2 và bà H2 có tất cả 6 người con là: Nguyễn Văn Đ3 (đã chết năm 1963), Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn K2 (đã chết năm 1974), Nguyễn Thị H và ông là Nguyễn Văn K. Lúc sinh thời, ông Đ2 và bà H2 đã chia đất ruộng cho các con, trừ hai người con đã chết. Riêng ông là con út đã ở với cha mẹ, nên sau khi cha của ông chết thì năm 1987 mẹ của ông đã giao cho ông phần đất có diện tích 820,1m², thuộc thửa số 03 tờ bản đồ số 27, tọa lạc ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất trên có căn nhà hương hỏa, mẹ của ông giao lại cho ông canh tác để nuôi mẹ và đến khi bà Lê Thị H2 là mẹ của ông chết thì ông sẽ được hưởng phần đất và căn nhà hương hỏa. Vào năm 1987, ông có xây hồ muối củ cải trên diện tích đất này và sử dụng đến nay không ai tranh chấp và việc cha mẹ cho đất thì hoàn toàn không có giấy tờ hay di chúc.

Đến năm 1990, ông có nhận chuyển nhượng đất và cất nhà tại lộ Nam Sông Hậu nên ông cho người anh tên Nguyễn Văn Đ1 mượn căn nhà hương hỏa để ở và chăm sóc mẹ giúp ông. Năm 1996, căn nhà hương hỏa xuống cấp nên Nhà nước đã cất mới cho mẹ của ông căn nhà tình nghĩa trên nền nhà cũ và ông vẫn để cho ông Đ1 ở nhờ.

Năm 2005 bà H2 chết, ông Đ1 mới giao trả lại căn nhà cho ông, nhưng do bận công việc làm ăn nên ông đã đóng cửa căn nhà tình nghĩa để đó. Đến năm

2012, người chị của ông là bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Trịnh Văn L tự ý qua căn nhà tình nghĩa ở mà không cho ông hay biết. Khi ông biết được ông không đồng ý thì bà H cho rằng ông Đ1 bán lại cho bà H, lúc đó ông nghĩ ông Đ1 cũng khó khăn nên ông không có ý kiến gì. Đến năm 2016, ông có thỏa thuận với bà H là cho ông mở một lối đi ra phía sau có chiều ngang 03 mét để đi xuống ao tôm (vì phía sau nhà của bà H là ao tôm của ông). Lúc đầu bà H cũng đồng ý nhưng sau đó vợ chồng bà H, ông L không đồng ý và rào đường không cho ông đi ra vuông tôm phía sau, lúc đó ông Đ1 cho rằng là ông không có bán cho bà H căn nhà và đất nêu trên nên sự việc xảy ra tranh chấp.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn L giải tỏa hàng rào trả lại cho ông diện tích đất 820,1m² tại thửa số 03 tờ bản đồ số 27, tọa lạc ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng, vị trí đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Bùi Văn N có số đo 40,97m;
- Hướng Tây giáp đất ông Thái Văn A có số đo 21,05m và đất ông Võ Văn V có số đo 23,33m;
- Hướng Nam giáp lộ đal có số đo 21,26m + 12,95m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn K số đo 21,91m.

Đồng thời buộc bà H và ông L giải tỏa căn nhà đang ở, cất lại căn nhà tình nghĩa như cũ trả lại cho ông. Đặc điểm, hiện trạng căn nhà tình nghĩa cũ như sau: Nhà chiều ngang 5m, chiều dài 10m; vách lá, mái tôn xi măng, đòn tay dầu, mặt tiền xây gạch, nền lót gạch tàu.

Tại bản tự khai và trình bày ý kiến ngày 31-3-2017, biên bản xác minh ngày 24-01-2018, bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn L trình bày:

Cha của ông bà tên Nguyễn Văn Đ2 chết vào năm 1982 và bà Lê Thị H2 chết năm 2005. Ông Đ2 và bà H2 có tất cả 05 người con, cụ thể như sau: Nguyễn Văn Đ3 (đã chết), Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn K2 (đã chết) và Nguyễn Thị H. Cha mẹ của ông bà có diện tích đất 7.895m², tọa lạc tại ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng gồm có các thửa: 402, 412, 439, 455, 456 và 711, tờ bản đồ số 03 đã chia cho mỗi người một thửa một phần đất để canh tác. Riêng Nguyễn Văn Đ3 và Nguyễn Văn K2 là hai người anh đã chết trong lúc chưa có vợ, chưa có con nên không được chia đất. Sau khi chia đất cho các con, cha mẹ của ông bà còn lại hai thửa đất là 455 (diện tích 993m²) và 456 (diện tích 1.221m²), tờ bản đồ số 03. Trên thửa 456 có căn nhà hương hỏa của cha mẹ của ông bà và sát bên căn nhà hương hỏa là căn nhà của vợ chồng ông bà.

Cha của ông bà chết vào năm 1982, còn người mẹ thì sống một mình tại căn nhà hương hỏa. Nguyễn Văn K là con của bà Nguyễn Thị C mới sinh ra thì cha và mẹ của K có vợ và có chồng khác nên K phải sống với bà ngoại (là mẹ của ông bà). Đến khi K được 19 tuổi thì K lập gia đình và tiếp tục ở chung với mẹ của ông bà được thêm 02 năm nữa thì K đi theo vợ, lúc đó căn nhà hương hỏa bị hư hỏng nên được Nhà nước cấp cho căn nhà tình nghĩa. Thời điểm đó, căn nhà của vợ

chồng ông bà cũng bị hư nên vợ chồng ông bà qua sống với người mẹ cho đến khi người mẹ của vợ chồng ông bà qua đời vào năm 2005.

Vợ chồng ông bà là người chăm sóc nuôi dưỡng mẹ trong lúc tuổi già và thờ người anh liệt sĩ tên Nguyễn Văn K2, nên người mẹ có nói là sau khi bà qua đời thì giao căn nhà hương hỏa và miếng đất cho vợ chồng ông bà. Sau khi mẹ của ông bà chết, căn nhà tình nghĩa bị hư hỏng nên vợ chồng ông bà đã sửa chữa lại để ở, còn miếng đất còn lại vài ba tầm thì vợ chồng ông bà trồng hoa màu để ăn. Thật ra, Nguyễn Văn K là con của bà Nguyễn Thị C, là cháu ngoại của bà Lê Thị H2, nhưng K lại mạo nhận là con trai út của bà H2 với mục đích tranh giành thừa đất và căn nhà hương hỏa là không đúng với quy định của pháp luật. Thực tế K phải gọi bà C bằng mẹ nhưng K gọi là chị, ông Nguyễn Văn Đ1 là cậu nhưng ông K gọi là anh.

Nay Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông bà phải giải tỏa hàng rào trả lại cho ông K diện tích đất 820,1m² tại thửa số 03, tờ bản đồ số 27 (thửa 711, tờ bản đồ số 03 cũ), tọa lạc tại ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng và buộc vợ chồng ông bà phải giải tỏa căn nhà đang ở cất lại căn nhà tình nghĩa như cũ để trả lại cho ông K là không có cơ sở. Do đó, vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện đòi lại đất và đòi lại nhà của ông K.

Tại đơn ủy quyền ngày 23-10-2016 (chứng thực ngày 14-12-2016), biên bản xác minh ngày 29/3/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:

Cha mẹ của ông tên Nguyễn Văn Đ2 (chết năm 1982) và bà Lê Thị H2 (chết năm 2005). Cha mẹ của ông gồm có 05 người con tên: Nguyễn Văn Đ3 (hy sinh năm 1973), Nguyễn Thị C, ông là Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn K2 (hy sinh năm 1974), Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn K là con của bà Nguyễn Thị C đã được cha mẹ của ông nuôi dưỡng từ nhỏ và nhận làm con nuôi. Vào năm 1973, bà H có chồng về ấp V, xã H. Đến năm 1977, cha mẹ của ông có cho vợ chồng bà H, ông L đất rẫy, đất nuôi tôm và một nền nhà ngang 12 mét để cất nhà ở (sát với căn nhà tình nghĩa). Năm 1990, K sang đất lộ Nam Sông Hậu cất nhà ở, còn căn nhà tình nghĩa thì giao lại cho ông ở được khoảng 02 năm thì ông giao lại cho con của ông ở được khoảng 01 năm thì không ở đó nữa và giao lại cho Nguyễn Văn K. Năm 2012, bà H có nhà ở cặp bên tự ý qua chiếm và sửa lại ở không có hỏi ý kiến của ông. Đối với diện tích đất có căn nhà tình nghĩa mà em của ông là bà Nguyễn Thị H đang ở hiện nay là của cha mẹ của ông để lại cho Nguyễn Văn K, vì K đã ở chung với cha mẹ từ nhỏ cho đến lớn.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST, ngày 10-02-2020 đã quyết định: Căn cứ: Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Trịnh Văn L giải tỏa hàng rào trả lại cho ông diện tích đất 820,1m² tại thửa số 03 tờ bản đồ số 27 (thửa 711, tờ bản đồ số 03 cũ), tọa lạc ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng; không chấp nhận việc ông K yêu cầu bị đơn vợ chồng bà H, ông L giải tỏa căn nhà đang ở, cất lại căn nhà tình nghĩa như cũ trả lại cho ông.

Vị trí thửa đất số 03 tờ bản đồ số 27 (thửa 711, tờ bản đồ số 03 cũ) có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Bùi Văn N có số đo 40,97m;
- Hướng Tây giáp đất ông Thái Văn A có số đo 21,05m và đất ông Võ Văn V có số đo 23,33m;
- Hướng Nam giáp lộ đạl có số đo 21,26m + 12,95m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn K số đo 21,91m.

Diện tích 820,1m².

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 21-02-2020 nguyên đơn Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST, ngày 10-02-2020 của Tòa án nhân dân thị xã A, buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn L giải tỏa hàng rào trả lại cho ông diện tích đất 820,1m² tại thửa số 03 tờ bản đồ số 27, tọa lạc ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn K, căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST, ngày 10-02-2020 của Tòa án nhân dân thị xã A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn K là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

[2] Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Công T2, ông Trịnh Văn Đ và ông Trịnh Văn T3 và những người làm chứng: Ông Võ Hòa V, ông Võ Hồng X, ông Huỳnh Ngọc M và ông Triệu Minh D vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 229 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người có tên nêu trên theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn K Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Trịnh Văn L đều thống nhất và thừa nhận phần đất tranh chấp diện tích 820,1m² thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 27 (thửa 711, tờ bản đồ số 03 cũ), tọa lạc tại ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng là nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Đ2 và bà Lê Thị H2. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét về quá trình sử dụng đất:

[4.1] Nguyên đơn ông K cho rằng: Từ nhỏ ông đã được ông Nguyễn Văn Đ2 và bà Lê Thị H2 là ông bà ngoại của ông nhận làm con nuôi, nên ông gọi ông Đ2 và bà H2 bằng cha mẹ. Năm 1982, ông Đ2 chết, sau đó ông vẫn tiếp tục ở chung với bà H2 và chăm sóc nuôi dưỡng bà H2. Sau khi lập gia đình và đến năm 1990 thì ông có sang nhượng một thửa đất tại đường Nam Sông Hậu, thuộc ấp K, xã H và cất nhà ở đó cho đến nay. Trong lúc còn ở chung và chăm sóc nuôi dưỡng bà H2 thì bà H2 có nói với ông là sau này bà chết thì thửa đất và căn nhà hương hỏa sẽ cho ông. Ngoài lời trình bày ra thì ông K không cung cấp được chứng cứ gì thể hiện là bà H2 cho ông phần đất này.

[4.2] Các bị đơn bà H và ông L cho rằng: Sau khi ông K ra ở riêng căn nhà hương hỏa bị hư hỏng nên được Nhà nước cất cho bà H2 căn nhà tình nghĩa, thời điểm đó căn nhà của vợ chồng ông bà cũng bị hư nên vợ chồng ông bà qua ở chung với bà H2 cho đến khi bà H2 chết vào năm 2005. Trong quá trình ở chung và chăm sóc bà H2 thì bà H2 có nói sau khi bà H2 chết sẽ giao lại căn nhà hương hỏa và miếng đất cho vợ chồng ông bà. Sau khi bà H2 chết thì căn nhà tình nghĩa cũng bị hư hỏng nên vợ chồng ông bà đã sửa chữa lại để ở, miếng đất còn lại vãi ba tâm thì vợ chồng ông bà trồng hoa màu. Ngoài lời trình bày ra các bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì thể hiện là bà H2 cho các bị đơn phần đất này.

[5] Từ những căn cứ trên, có đủ cơ sở xác định phần đất đang tranh chấp có diện tích 820,1m² thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 27 (thửa 711, tờ bản đồ số 03 cũ), tọa lạc tại ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Đ2 và bà Lê Thị H2, ông Đ2 chết vào năm 1982, bà H2 chết vào năm 2005

không có để lại di chúc. Hiện nay quyền sử dụng đất vẫn do bà Lê Thị H2 đứng tên, do Ủy ban nhân dân huyện C (nay là thị xã A), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/5/1996. Cấp sơ thẩm xác định phần đất đang tranh chấp là di sản của ông Đ2 và bà H2 để lại chưa chia và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn K là phù hợp, đúng qui định của pháp luật.

[6] Do đó, kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn K là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên nguyên đơn Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148, Khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điểm đ, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST, ngày 10-2-2020 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ: Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Trịnh Văn L giải tỏa hàng rào trả lại cho ông diện tích đất 820,1m² tại thửa số 03 tờ bản đồ số 27 (thửa 711, tờ bản đồ số 03 cũ), tọa lạc ấp K, xã H, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng; không chấp nhận việc ông K yêu cầu bị đơn vợ chồng bà H, ông L giải tỏa căn nhà đang ở, cất lại căn nhà tình nghĩa như cũ trả lại cho ông.

Vị trí thửa đất số 03 tờ bản đồ số 27 (thửa 711, tờ bản đồ số 03 cũ) có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Bùi Văn N có số đo 40,97m;
- Hướng Tây giáp đất ông Thái Văn A có số đo 21,05m và đất ông Võ Văn V có số đo 23,33m;
- Hướng Nam giáp lộ đal có số đo 21,26m + 12,95m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn K số đo 21,91m.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K phải chịu là 1.200.000 đồng, số tiền này ông K đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K phải chịu là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005457 ngày 20-3-2017 của Chi cục thi hành án thị xã A. Như vậy, ông K được nhận lại số tiền còn thừa là 622.500 đồng. Đối với bị đơn ông Trịnh Văn L, bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000731 ngày 25-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông K đã nộp đủ.

- Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Lưu: HSV A - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Thành